



Trường Trung Cấp Hồng Hà Cần Thơ

# NHẬP MÔN LẬP TRÌNH WEB

*Ths. Nguyễn Minh Triết*



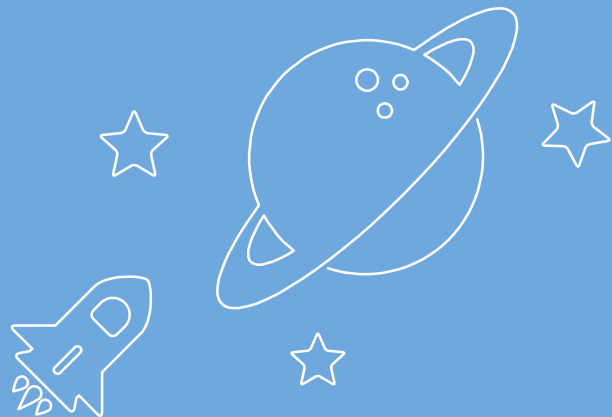
# BÀI 3. NGÔN NGỮ CSS

*Ths. Nguyễn Minh Triết*

# MỤC TIÊU

- ❑ Biết cách sử dụng các thuộc tính của CSS trong việc dàn trang web

1



# THIẾT LẬP MÀU NỀN CHO MỘT PHẦN TỬ HTML

# THIẾT LẬP MÀU NỀN CHO PHẦN TỬ HTML

## 1. Cách thiết lập màu nền cho phần tử

- Thông thường thì các phần tử sẽ có nền "trong suốt", nếu muốn thiết lập lại màu nền cho phần tử thì chúng ta cần phải sử dụng thuộc tính **background-color** với cú pháp như sau:

```
background-color:value;
```

Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong các giá trị sau:

transparent	- Nền của phần tử sẽ trong suốt.
color	- Chỉ định một màu sắc cụ thể (màu sắc này có thể được xác định dựa theo tên màu, giá trị rgb, giá trị hex, giá trị rgba, giá trị hsl, ...)

# THIẾT LẬP MÀU NỀN CHO PHẦN TỬ HTML

● Ví dụ:

```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
</head>
<body>
  <p>Học <span style="background-color:red">CSS</span> miễn phí</p>
</body>
</html>
```

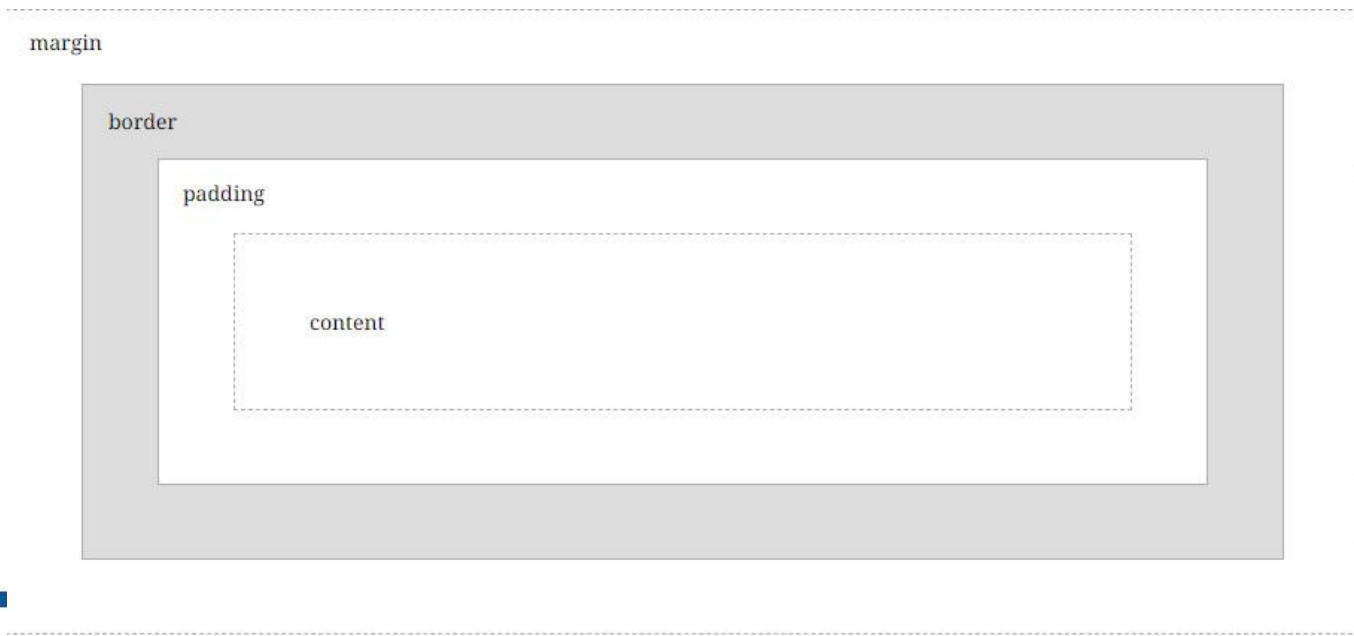


Học **CSS** miễn phí

# THIẾT LẬP MÀU NỀN CHO PHẦN TỬ HTML

## 2. Điều chỉnh phạm vi được thiết lập màu nền

- Trong các bài học trước thì tôi đã từng có giới thiệu sơ qua về cấu trúc của một phần tử HTML, nó bao gồm bốn thành phần chính: **margin**, **border**, **padding**, **content**



# THIẾT LẬP MÀU NỀN CHO PHẦN TỬ HTML

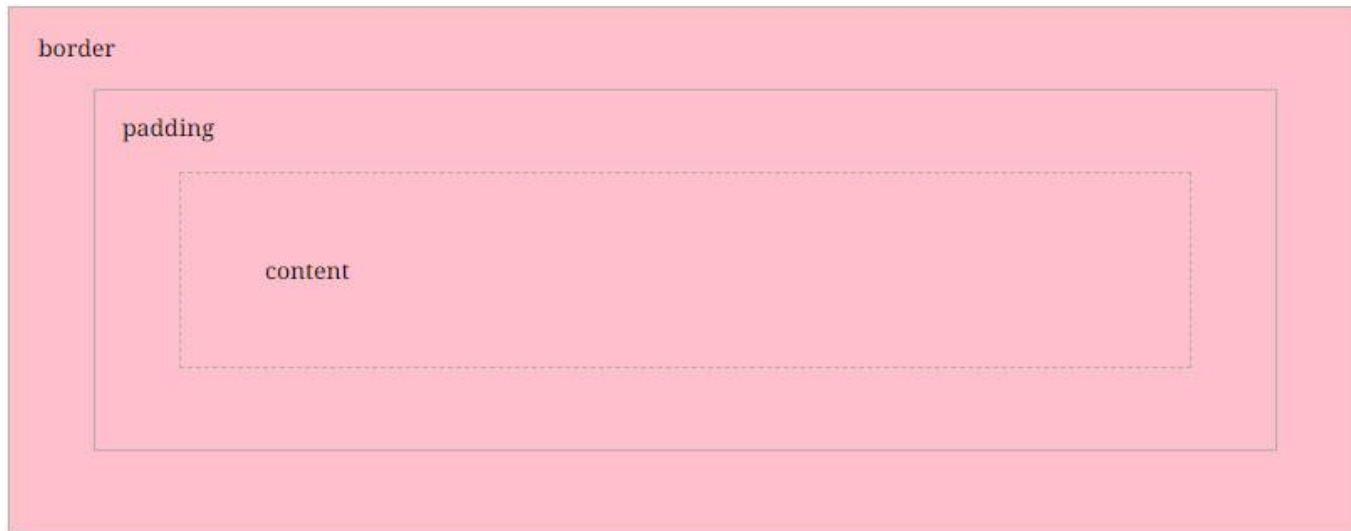
- Khi chúng ta sử dụng thuộc tính **background-color** để thiết lập màu nền cho phần tử thì mặc định phạm vi được thiết lập màu nền sẽ **bắt đầu từ phần border** cho **đến hết phần content**

margin

border

padding

content





# THIẾT LẬP MÀU NỀN CHO PHẦN TỬ HTML

- Tuy nhiên, với việc sử dụng thuộc tính **background-clip** thì chúng ta có thể điều chỉnh lại phạm vi được thiết lập màu nền của phần tử.

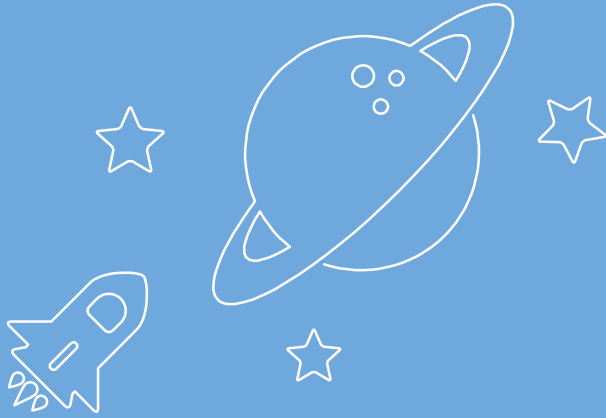
```
background-clip: value;
```

# THIẾT LẬP MÀU NỀN CHO PHẦN TỬ HTML

Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong các giá trị sau:

border-box	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phạm vi được thiết lập màu nền sẽ bao gồm ba phần:<ul style="list-style-type: none"><li>◦ border</li><li>◦ padding</li><li>◦ content</li></ul></li></ul>
padding-box	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phạm vi được thiết lập màu nền sẽ bao gồm hai phần:<ul style="list-style-type: none"><li>◦ padding</li><li>◦ content</li></ul></li></ul>
content-box	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phạm vi được thiết lập màu nền chỉ bao gồm phần: content</li></ul>

2



# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 1. Cách thiết lập chiều rộng phần nội dung

- Để thiết lập chiều rộng cho phần nội dung (content) của phần tử thì chúng ta sử dụng thuộc tính **width**.

```
width: value;
```



# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong các giá trị sau:

auto	- Trình duyệt sẽ tự động xác định chiều rộng phần nội dung của phần tử.
length	- Chỉ định chiều rộng phần nội dung của phần tử dựa theo một giá trị cụ thể (giá trị này có thể được xác định dựa theo các đơn vị như: px, em, cm, . . .)
%	- Chỉ định chiều rộng phần nội dung của phần tử dựa theo "tỷ lệ phần trăm" chiều rộng phần nội dung của cha nó.

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

🟡 Ví dụ:

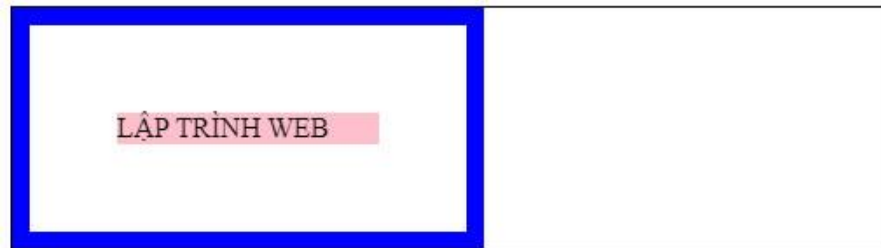
```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    div{
      background-color:pink;
      background-clip:content-box;
      border:10px solid black;
      padding:50px;
      width:auto;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <div>LẬP TRÌNH WEB</div>
</body>
</html>
```

LẬP TRÌNH WEB

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 🟡 Ví dụ:

```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    #a{
      border:1px solid black;
      width:500px;
    }
    #b{
      background-color:pink;
      background-clip:content-box;
      border:10px solid blue;
      padding:50px;
      width:30%;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <div id="a">
    <div id="b">LẬP TRÌNH WEB</div>
  </div>
  <p>- Chiều rộng của phần tử #b phía trên sẽ là 270px, bởi vì:</p>
  <ul>
    <li>Đường viền bên trái 10px</li>
    <li>Đường viền bên phải 10px</li>
    <li>Vùng đệm bên trái 50px</li>
    <li>Vùng đệm bên phải 50px</li>
    <li>Chiều rộng phần nội dung 150px (bởi vì 30% của 500px sẽ là 150px)</li>
  </ul>
</body>
</html>
```



- Chiều rộng của phần tử #b phía trên sẽ là 270px, bởi vì:

- Đường viền bên trái 10px
- Đường viền bên phải 10px
- Vùng đệm bên trái 50px
- Vùng đệm bên phải 50px
- Chiều rộng phần nội dung 150px (bởi vì 30% của 500px sẽ là 150px)

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 🟡 Ví dụ:

```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    div{
      background-color:pink;
      background-clip:content-box;
      border:10px solid black;
      padding:50px;
      width:300px;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <div>LẬP TRÌNH WEB</div>
  <p>- Chiều rộng của phần tử phía trên sẽ là 420px, bởi vì:</p>
  <ul>
    <li>Đường viền bên trái 10px</li>
    <li>Đường viền bên phải 10px</li>
    <li>Vùng đệm bên trái 50px</li>
    <li>Vùng đệm bên phải 50px</li>
    <li>Chiều rộng phần nội dung 300px</li>
  </ul>
</body>
</html>
```



- Chiều rộng của phần tử phía trên sẽ là 420px, bởi vì:

- Đường viền bên trái 10px
- Đường viền bên phải 10px
- Vùng đệm bên trái 50px
- Vùng đệm bên phải 50px
- Chiều rộng phần nội dung 300px

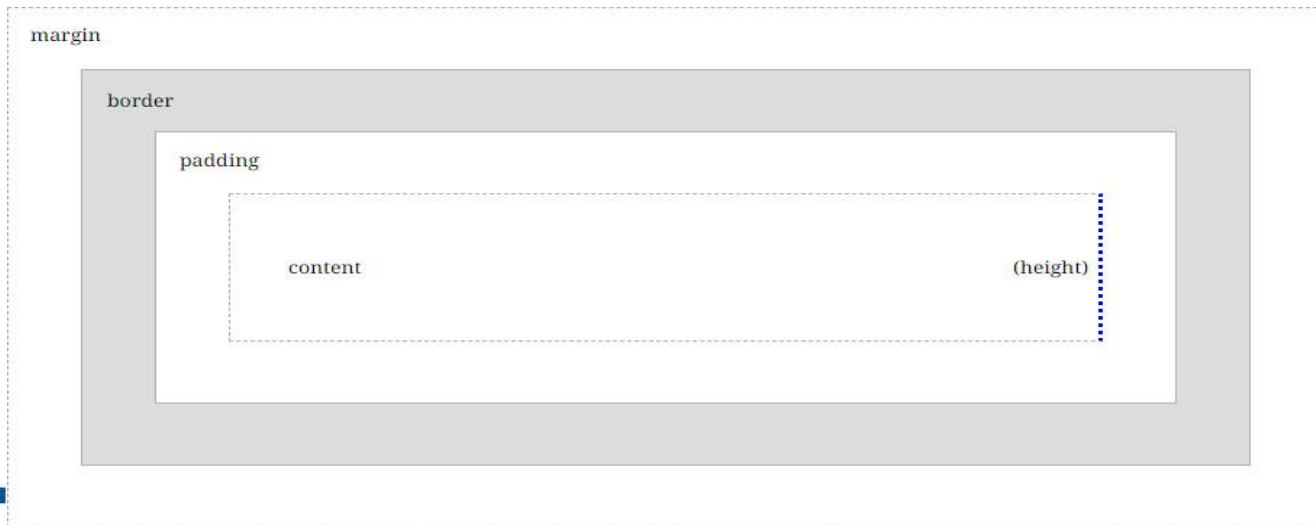


# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 2. Cách thiết lập chiều cao phần nội dung

- Để thiết lập chiều cao cho phần nội dung (content) của phần tử thì chúng ta sử dụng thuộc tính **height**.

```
height: value;
```



# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong các giá trị sau:

auto	- Trình duyệt sẽ tự động xác định chiều cao phần nội dung của phần tử.
length	- Chỉ định chiều cao phần nội dung của phần tử dựa theo một giá trị cụ thể (giá trị này có thể được xác định dựa theo các đơn vị như: px, em, cm, ...)
%	- Chỉ định chiều cao phần nội dung của phần tử dựa theo "tỷ lệ phần trăm" chiều cao phần nội dung của cha nó.

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

🟡 Ví dụ:

```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    div{
      background-color:pink;
      background-clip:content-box;
      border:10px solid black;
      padding:50px;
      height:auto;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <div>LẬP TRÌNH WEB</div>
</body>
</html>
```

LẬP TRÌNH WEB

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 🟡 Ví dụ:

```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    #a{
      border:1px solid black;
      height:200px;
    }
    #b{
      background-color:pink;
      background-clip:content-box;
      border:10px solid blue;
      padding:50px;
      height:20%;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <div id="a">
    <div id="b">LẬP TRÌNH WEB</div>
  </div>
  <p>- Chiều cao của phần tử #b phía trên sẽ là 160px, bởi vì:</p>
  <ul>
    <li>Đường viền phía trên 10px</li>
    <li>Đường viền phía dưới 10px</li>
    <li>Vùng đệm trên 50px</li>
    <li>Vùng đệm dưới 50px</li>
    <li>Chiều cao phần nội dung 40px (bởi vì 20% của 200px sẽ là 40px)</li>
  </ul>
</body>
</html>
```



- Chiều cao của phần tử #b phía trên sẽ là 160px, bởi vì:

- Đường viền phía trên 10px
- Đường viền phía dưới 10px
- Vùng đệm trên 50px
- Vùng đệm dưới 50px
- Chiều cao phần nội dung 40px (bởi vì 20% của 200px sẽ là 40px)

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 🟡 Ví dụ:

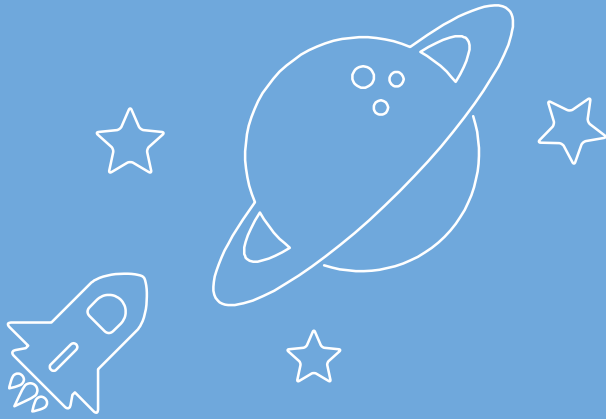
```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    div{
      background-color:pink;
      background-clip:content-box;
      border:10px solid black;
      padding:50px;
      height:100px;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <div>LẬP TRÌNH WEB</div>
  <p>- Chiều cao của phần tử <div> phía trên sẽ là 220px, bởi vì:</p>
  <ul>
    <li>Đường viền phía trên 10px</li>
    <li>Đường viền phía dưới 10px</li>
    <li>Vùng đệm trên 50px</li>
    <li>Vùng đệm dưới 50px</li>
    <li>Chiều cao phần nội dung 100px</li>
  </ul>
</body>
</html>
```



- Chiều cao của phần tử <div> phía trên sẽ là 220px, bởi vì:

- Đường viền phía trên 10px
- Đường viền phía dưới 10px
- Vùng đệm trên 50px
- Vùng đệm dưới 50px
- Chiều cao phần nội dung 100px

# 3



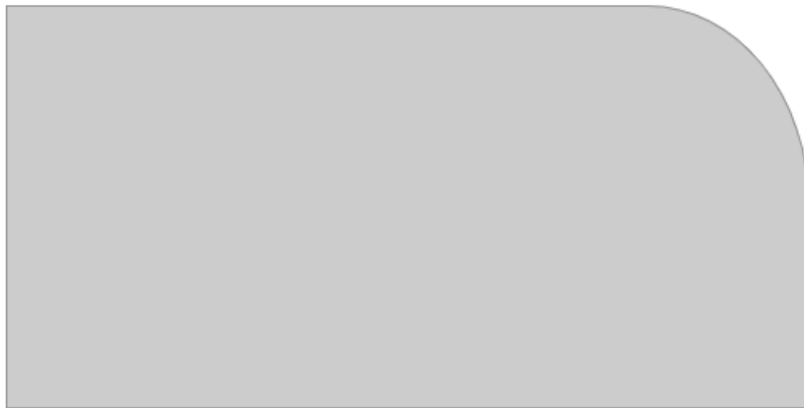
# THIẾT LẬP ĐỘ CONG (RADIUS) CHO PHẦN TỬ HTML

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 1. Tìm hiểu sơ lược về độ cong (**RADIUS**) của một góc

- Thông thường thì "độ cong" của một góc được xác định dựa trên hai yếu tố: chiều rộng của góc & chiều cao của góc.

```
border-radius: value;
```



# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong các giá trị sau:

width/height	<ul style="list-style-type: none"><li>- Độ cong của góc được xác định dựa theo cặp giá trị width/height.</li><li>- Trong đó:<ul style="list-style-type: none"><li>◦ Width là chiều rộng của góc, nó có thể được xác định dựa theo một giá trị pixel cụ thể hoặc tỷ lệ phần trăm chiều rộng của phần tử.</li><li>◦ Height là chiều cao của góc, nó có thể được xác định dựa theo một giá trị pixel cụ thể hoặc tỷ lệ phần trăm chiều cao của phần tử.</li></ul></li><li>- <u>Lưu ý</u>: Nếu chúng ta chỉ xác định một giá trị thì giá trị đó sẽ đại diện cho cả width &amp; height (<a href="#">Xem ví dụ</a>)</li></ul>
--------------	---



# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 🟡 Ví dụ:

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    div{
      background-color:violet;
      width:400px;
      height:200px;
      border-radius:50px/50px;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <div></div>
  <p>- Lưu ý: Chiều rộng (chiều cao) của một góc không được vượt quá
50% chiều rộng (chiều cao) của phần tử.</p>
</body>
</html>
```




- Lưu ý: Chiều rộng (chiều cao) của một góc không được vượt quá 50% chiều rộng (chiều cao) của phần tử.

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML


## 2. Cách thiết lập độ cong của một góc

Khi chúng ta thiết lập độ cong cho các góc của một phần tử HTML thì mặc định cả bốn góc của phần tử sẽ có chung một độ cong.



Lập Trình Web

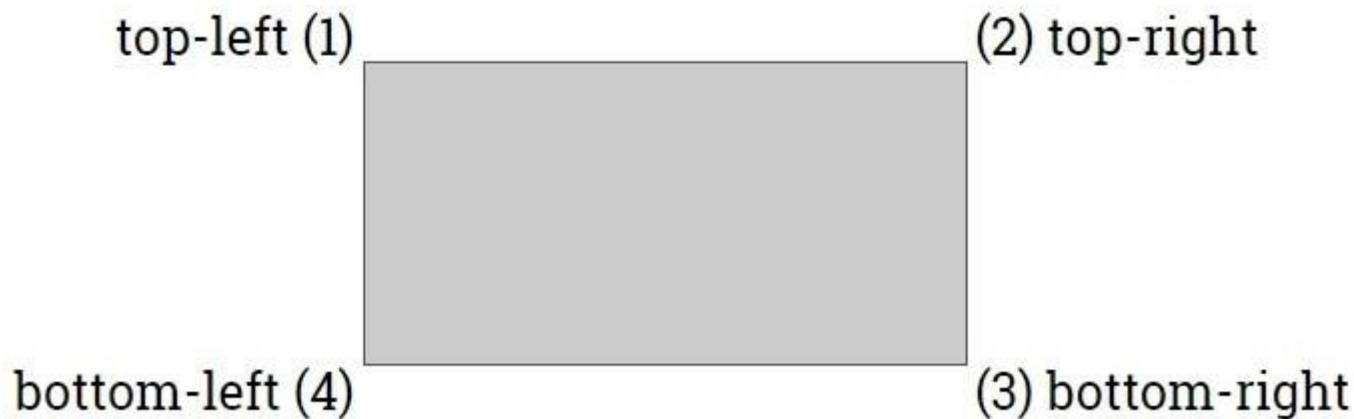
Tuy nhiên, không phải lúc nào người lập trình viên cũng muốn như thế, mà đôi khi họ muốn mỗi góc của phần tử sẽ có một "độ cong" khác nhau.



Lập Trình Web

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

- Tuy nhiên, trước khi đi vào tìm hiểu chi tiết hai cách trên thì các bạn cần phải nắm rõ tên của từng góc (bên dưới là ảnh minh họa vị trí từng góc và tên của chúng)



# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 3. Thiết lập nhiều giá trị cho thuộc tính border-radius

- Để chỉnh "độ cong" cho riêng từng góc bằng cách thiết lập nhiều giá trị thì chúng ta sử dụng thuộc tính **border-radius** với cú pháp như sau:

```
border-radius: bộ giá trị width / bộ giá trị height;
```

### - Trong đó:

- Bộ giá trị width dùng để xác định chiều rộng của từng góc.
- Bộ giá trị height dùng để xác định chiều cao của từng góc.

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

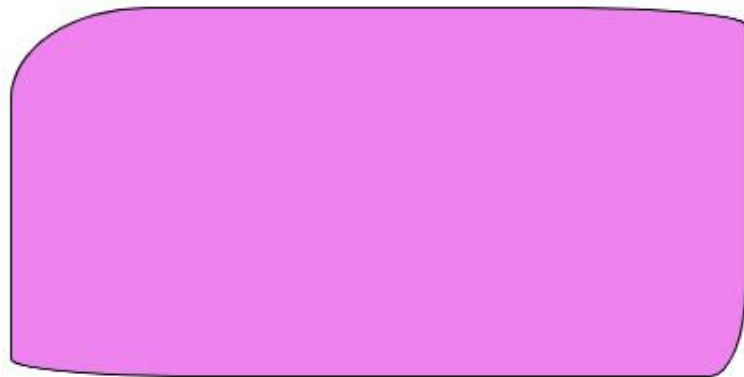
## - Mỗi một bộ giá trị width (height) có thể được xác định dựa theo:

Một tập hợp gồm <u>bốn</u> giá trị	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị 1 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (1)</li><li>- Giá trị 2 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (2)</li><li>- Giá trị 3 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (3)</li><li>- Giá trị 4 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (4)</li></ul>
Một tập hợp gồm <u>ba</u> giá trị	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị 1 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (1)</li><li>- Giá trị 2 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (2) &amp; (4)</li><li>- Giá trị 3 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (3)</li></ul>
Một tập hợp gồm <u>hai</u> giá trị	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị 1 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (1) &amp; (3)</li><li>- Giá trị 2 sẽ là chiều rộng (chiều cao) của góc (2) &amp; (4)</li></ul>

# THIẾT LẬP KÍCH THƯỚC CHO PHẦN TỬ HTML

## 🟡 Ví dụ:

```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    div{
      border:1px solid black;
      background-color:violet;
      width:400px;
      height:200px;
      border-radius:75px 100px 20px / 50px 10px;
    }
  </style>
</head>
<body>
  <div></div>
  <ul>
    <li>Góc (1) có chiều rộng là 75px, chiều cao là 50px</li>
    <li>Góc (2) có chiều rộng là 100px, chiều cao là 10px</li>
    <li>Góc (3) có chiều rộng là 20px, chiều cao là 50px</li>
    <li>Góc (4) có chiều rộng là 100px, chiều cao là 10px</li>
  </ul>
</body>
</html>
```



- Góc (1) có chiều rộng là 75px, chiều cao là 50px
- Góc (2) có chiều rộng là 100px, chiều cao là 10px
- Góc (3) có chiều rộng là 20px, chiều cao là 50px
- Góc (4) có chiều rộng là 100px, chiều cao là 10px

4



# CÁC THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO DANH SÁCH

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO DANH SÁCH

## 1. Thuộc tính **list-style-type** trong CSS

- Thuộc tính **list-style-type** được dùng để thiết lập "kiểu chỉ mục" cho các danh mục trong danh sách.

list-style-type: kiểu chỉ mục;

- Đối với danh sách có thứ tự:

decimal	1..... 2..... 3.....	upper-alpha	A..... B..... C.....
decimal-leading-zero	01..... 02..... 03.....	lower-roman	i..... ii..... iii.....
lower-alpha	a..... b..... c.....	upper-roman	I..... II..... III.....



# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO DANH SÁCH

- Đối với danh sách không có thứ tự:

disc	<ul style="list-style-type: none"><li>• .....</li><li>• .....</li><li>• .....</li></ul>
circle	<ul style="list-style-type: none"><li>○ .....</li><li>○ .....</li><li>○ .....</li></ul>
square	<ul style="list-style-type: none"><li>■ .....</li><li>■ .....</li><li>■ .....</li></ul>

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO DANH SÁCH

## 🟡 Ví dụ:

```
<ol style="list-style-type:decimal">
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
</ol>

<ol style="list-style-type:decimal-leading-zero">
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
</ol>

<ol style="list-style-type:lower-alpha">
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
</ol>

<ol style="list-style-type:upper-alpha">
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
</ol>

<ol style="list-style-type:lower-roman">
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
</ol>

<ol style="list-style-type:upper-roman">
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
  <li>. . . . .</li>
</ol>
```

1. ....
  2. ....
  3. ....
- 
01. ....
  02. ....
  03. ....
- 
- a. ....
  - b. ....
  - c. ....
- 
- A. ....
  - B. ....
  - C. ....
- 
- i. ....
  - ii. ....
  - iii. ....
- 
- I. ....
  - II. ....
  - III. ....

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO DANH SÁCH

## 2. Thuộc tính **list-style-image** trong CSS

- Thuộc tính **list-style-image** được dùng để thiết lập “chỉ mục bằng hình ảnh” cho các danh mục trong danh sách.

```
list-style-image: value;
```

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO DANH SÁCH

- Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong bốn loại giá trị:

none	- Không thiết lập chỉ mục bằng hình ảnh cho các danh mục.
url()	- Chỉ định một tập tin hình ảnh cụ thể dùng làm chỉ mục cho danh mục.

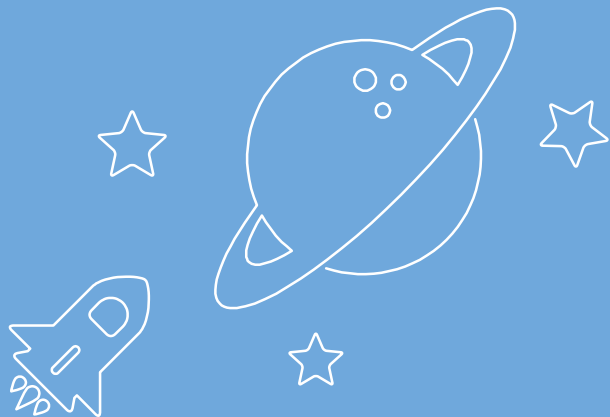
# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO DANH SÁCH

🟡 Ví dụ:

```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <style type="text/css">
    ul{
      list-style-image: url(../image/check.jpg);
    }
  </style>
</head>
<body>
  <ul>
    <li>HTML</li>
    <li>CSS</li>
    <li>JavaScript</li>
  </ul>
</body>
</html>
```

- ✔ HTML
- ✔ CSS
- ✔ JavaScript

5



# CÁC THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 1. Thuộc tính **color**

color	- Chỉnh màu sắc của văn bản.
-------	------------------------------

```
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
</head>
<body>
  <h1 style="color:red">Lập Trình Web 01</h1>
  <h1 style="color:#1224fb">Lập Trình Web 02</h1>
  <h1 style="color:rgba(0,255,43)">Lập Trình Web 03</h1>
</body>
</html>
```

Lập Trình Web 01

Lập Trình Web 02

Lập Trình Web 03

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 2. Thuộc tính **text-align**

- Thuộc tính **text-align** được dùng để canh lề (theo chiều ngang) cho văn bản bên trong phần tử.

```
text-align: value;
```

- Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong ba loại giá trị:

left	- Văn bản được canh nằm bên trái.
center	- Văn bản được canh nằm giữa.
right	- Văn bản được canh nằm bên phải.



# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 🟡 Ví dụ:

```
<p style="text-align:left">Lập Trình Web</p>  
<p style="text-align:center">Lập Trình Web</p>  
<p style="text-align:right">Lập Trình Web</p>
```

Lập Trình Web

Lập Trình Web

Lập Trình Web

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 3. Thuộc tính **text-decoration**

- Chức năng của nhóm thuộc tính **text-decoration** là dùng để thiết lập một cái đường kẻ lên văn bản.
- Nhóm thuộc tính **text-decoration** được chia ra làm ba thuộc tính chính:
  - **text-decoration-line**
  - **text-decoration-style**
  - **text-decoration-color**

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## a. Thuộc tính **text-decoration-line**:

- Thuộc tính **text-decoration-line** dùng để chỉ định vị trí của cái đường kẻ.

```
text-decoration-line: value;
```

- Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong các loại giá trị:

none	- Không thiết lập đường kẻ lên văn bản. (giá trị này thường được sử dụng để vô hiệu hóa đường kẻ nằm ở dưới chân các liên kết)
overline	- Đường kẻ nằm trên đầu văn bản.
line-through	- Đường kẻ nằm giữa văn bản.
underline	- Đường kẻ nằm dưới chân văn bản.

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## a. Thuộc tính **text-decoration-line**:

```
.text1 span{
    text-decoration-line:overline;
}
.text2 span{
    text-decoration-line:line-through;
}
.text3 span{
    text-decoration-line:underline;
}
a{
    text-decoration-line:none;
}
```

Học LẬP TRÌNH WEB miễn phí.

Học ~~LẬP TRÌNH WEB~~ miễn phí.

Học LẬP TRÌNH WEB miễn phí.

Học LẬP TRÌNH WEB miễn phí.

```
<p class="text1">Học <span>LẬP TRÌNH WEB</span> miễn phí.</p>
<p class="text2">Học <span>LẬP TRÌNH WEB</span> miễn phí.</p>
<p class="text3">Học <span>LẬP TRÌNH WEB</span> miễn phí.</p>
<a href="default.html">Học LẬP TRÌNH WEB miễn phí.</a>
```


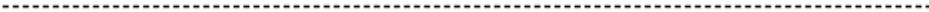



# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## b. Thuộc tính **text-decoration-style**:

- Thuộc tính **text-decoration-style** dùng để chỉ định vị trí của cái đường kẻ.

```
text-decoration-style: value;
```

- Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong các loại giá trị:

solid	
dashed	
double	
dotted	
wavy	

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## c. Thuộc tính **text-decoration-color**:

- Thuộc tính **text-decoration-color** dùng để xác định màu sắc của cái đường kẻ.

```
<p style="text-decoration-color:red">1 2 3 4 5</p>  
<p style="text-decoration-color:rgb(140,51,79)">1 2 3 4 5</p>  
<p style="text-decoration-color:#FFA500">1 2 3 4 5</p>
```

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 4. Thuộc tính **font-family**

- Chức năng của thuộc tính **font-family** là dùng để chỉnh "phông chữ" cho văn bản.

```
font-family: tên phông chữ;
```

```
h1{  
  font-family:cursive;  
}
```



This is a heading

```
<h1>This is a heading</h1>
```

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## ● Giới thiệu một số mẫu font chữ

Georgia	<b>This is a heading</b> This is a paragraph
Palatino Linotype	<b>This is a heading</b> This is a paragraph
Book Antiqua	
Times New Roman	<b>This is a heading</b> This is a paragraph
Times	
serif	



# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 5. Thuộc tính **font-size**

- Thuộc tính **font-size** dùng để chỉnh kích cỡ chữ của văn bản.

small	- Kích cỡ chữ tương đương 13px
medium	- Kích cỡ chữ tương đương 16px
large	- Kích cỡ chữ tương đương 18px

font-size: value;

length	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chỉ định kích cỡ chữ dựa theo một giá trị cụ thể (giá trị này có thể được xác định dựa theo một trong các loại đơn vị như: px, em, cm, %, ...)</li><li>- <u>Lưu ý</u>:<ul style="list-style-type: none"><li>◦ Tỷ lệ 1em = 16px</li><li>◦ Tỷ lệ 100% = 16px</li></ul></li></ul>
--------	--

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## ● Ví dụ:

```
<h1 style="font-size:initial">Lập Trình Web</h1>  
<h1 style="font-size:16px">Lập Trình Web</h1>  
<h1 style="font-size:1em">Lập Trình Web</h1>  
<h1 style="font-size:100%">Lập Trình Web</h1>  
<h1 style="font-size:24px">Lập Trình Web</h1>  
<h1 style="font-size:1.5em">Lập Trình Web</h1>  
<h1 style="font-size:150%">Lập Trình Web</h1>
```



Lập Trình Web

Lập Trình Web

Lập Trình Web

Lập Trình Web

**Lập Trình Web**

**Lập Trình Web**

**Lập Trình Web**

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 6. Thuộc tính **font-weight**

- Thuộc tính **font-weight** dùng để chuyển đổi văn bản sang dạng chữ in đậm hay không in đậm.

```
font-weight: value;
```

- Trong đó, **value** có thể được xác định dựa theo một trong các loại giá trị:

normal	- Không in đậm.
bold	- In đậm.

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

🟡 Ví dụ:

```
<h1 style="font-weight:normal">Lập Trình Web</h1>  
<h1 style="font-weight:bold">Lập Trình Web</h1>  
<h1 style="font-weight:initial">Lập Trình Web</h1>
```



Lập Trình Web

**Lập Trình Web**

Lập Trình Web

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 5. Thuộc tính **font-size**

- Thuộc tính **font-size** dùng để chỉnh kích cỡ chữ của văn bản.

small	- Kích cỡ chữ tương đương 13px
medium	- Kích cỡ chữ tương đương 16px
large	- Kích cỡ chữ tương đương 18px

font-size: value;

length	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chỉ định kích cỡ chữ dựa theo một giá trị cụ thể (giá trị này có thể được xác định dựa theo một trong các loại đơn vị như: px, em, cm, %, ...)</li><li>- <u>Lưu ý</u>:<ul style="list-style-type: none"><li>◦ Tỷ lệ 1em = 16px</li><li>◦ Tỷ lệ 100% = 16px</li></ul></li></ul>
--------	--

6



# CÁCH XÁC ĐỊNH BỘ CHỌN TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 1. Pseudo-class là gì !?

- Pseudo-class dịch sang tiếng Việt có thể tạm gọi là **lớp giả**, mỗi pseudo-class sẽ được xác định bởi một từ khóa bằng tiếng Anh, nó dùng để đại diện cho một "**trường hợp đặc biệt**" xảy ra đối với phần tử.

# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 2. Một số các pseudo-class phổ biến

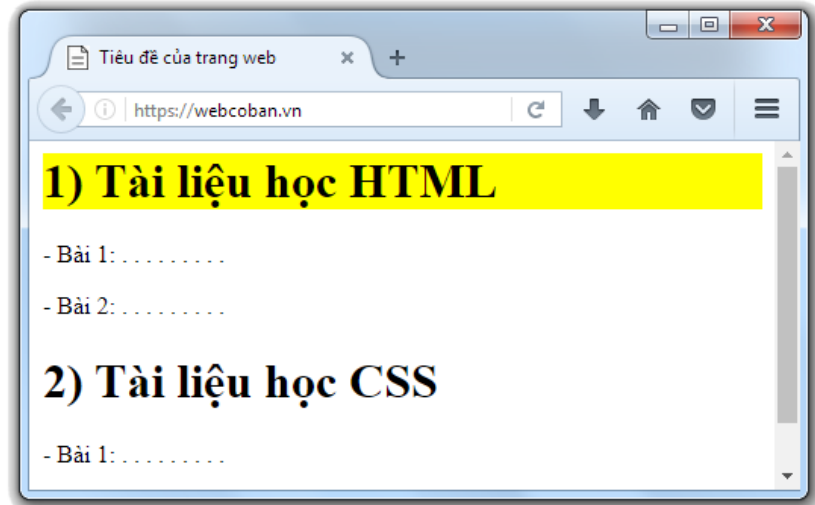
:active

- Trường hợp này xảy ra khi phần tử đang bị người dùng click vào.

- Trường hợp **:active** xảy ra khi **phần tử đang bị người dùng click vào** (click bằng chuột trái hay chuột phải đều được)

```
h1:active{  
  background-color:yellow;  
}
```

```
<h1>1) Tài liệu học HTML</h1>  
<p>- Bài 1: .....</p>  
<p>- Bài 2: .....</p>  
<h1>2) Tài liệu học CSS</h1>  
<p>- Bài 1: .....</p>  
<p>- Bài 2: .....</p>
```





# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 2. Một số các pseudo-class phổ biến

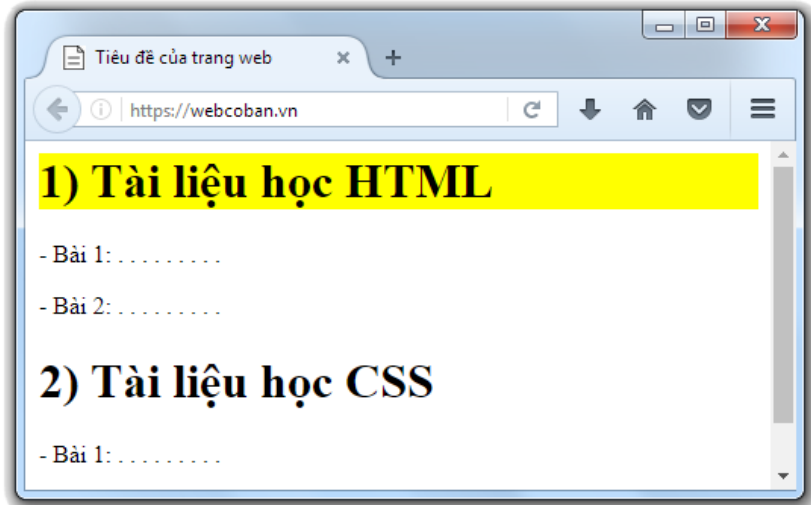
:hover

- Trường hợp này xảy ra khi phần tử đang bị người dùng di chuột vào.

- Trường hợp **:hover** xảy ra khi phần tử đang bị người dùng di chuột vào.

```
h1:hover{  
  background-color:yellow;  
}
```

```
<h1>1) Tài liệu học HTML</h1>  
<p>- Bài 1: .....</p>  
<p>- Bài 2: .....</p>  
<h1>2) Tài liệu học CSS</h1>  
<p>- Bài 1: .....</p>  
<p>- Bài 2: .....</p>
```



# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 2. Một số các pseudo-class phổ biến

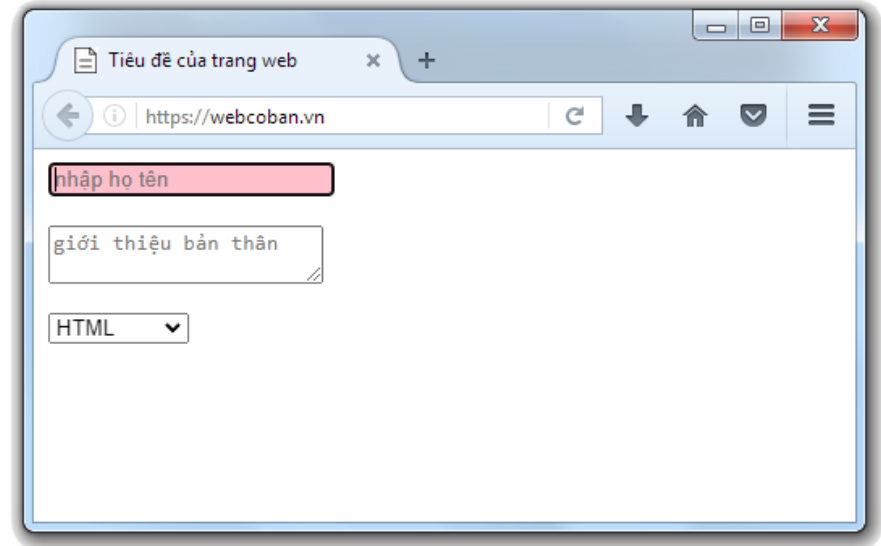
:focus

- Trường hợp này thường xảy ra trên các phần tử biểu mẫu khi chúng đang được người dùng truy cập.

- Trường hợp **:focus** thường xảy ra trên **các phần tử biểu mẫu** khi chúng đang được người dùng truy cập

```
:focus{  
    background-color:pink;
```

```
<input type="text" placeholder="nhập họ tên">  
<br><br>  
<textarea placeholder="giới thiệu bản thân"></textarea>  
<br><br>  
<select>  
    <option>HTML</option>  
    <option>CSS</option>  
    <option>JavaScript</option>
```



# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 2. Một số các pseudo-class phổ biến

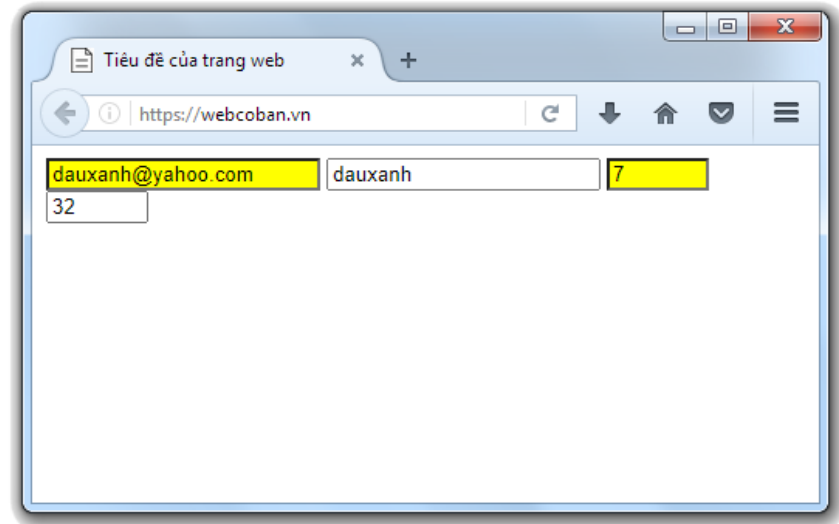
:valid

- Trường hợp này thường xảy ra trên các phần tử biểu mẫu khi chúng nhận được một giá trị hợp lệ (dựa theo thể loại của chúng)

- Trường hợp **:valid** thường xảy trên các **phần tử biểu mẫu** khi chúng nhận được **một giá trị hợp lệ** (dựa theo thể loại của chúng)

```
:valid{  
    background-color:yellow;
```

```
<input type="email" value="dauxanh@yahoo.com">  
<input type="email" value="dauxanh">  
<input type="number" min="5" max="10" value="7">  
<input type="number" min="5" max="10" value="32">
```



# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

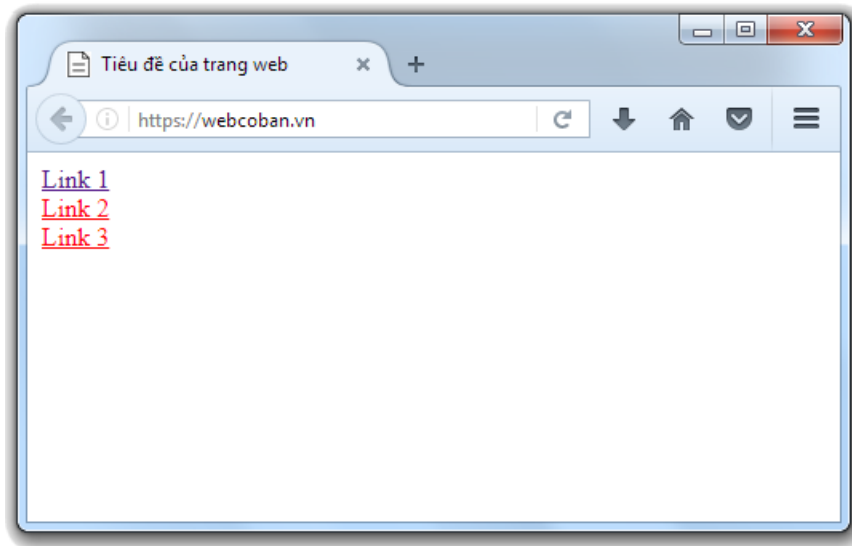
## 2. Một số các pseudo-class phổ biến

`:link`

- Trường hợp `:link` xảy ra khi phần tử là một cái liên kết & URL của nó chưa từng được người dùng truy cập qua.

```
:link{  
  color:red;
```

```
<a href="demo?file=3615" target="_blank">Link 1</a>  
<br>  
<a href="demo?file=3616" target="_blank">Link 2</a>  
<br>  
<a href="demo?file=3617" target="_blank">Link 3</a>
```



# THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CHO VĂN BẢN

## 2. Một số các pseudo-class phổ biến

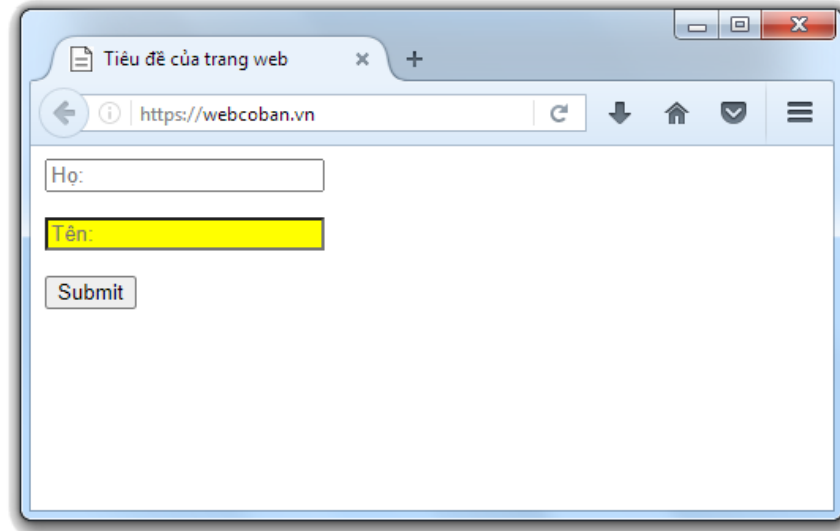
:required

- Trường hợp này thường xảy ra trên các phần tử biểu mẫu khi chúng bị thiết lập thuộc tính required.

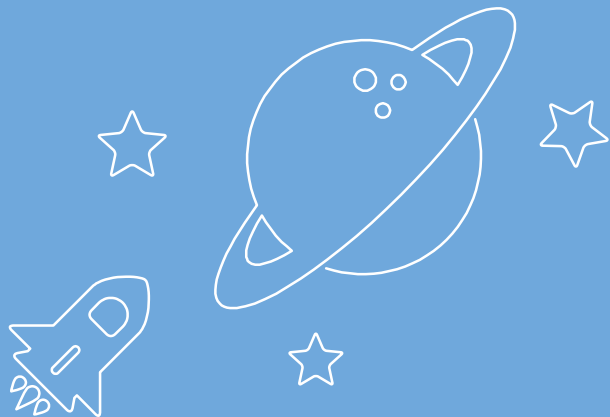
- Trường hợp **:required** thường xảy ra trên các **phần tử biểu mẫu** khi chúng bị thiết lập thuộc tính required.

```
:required{  
  background-color:yellow;
```

```
<form>  
  <p><input type="text" placeholder="Họ:"></p>  
  <p><input type="text" placeholder="Tên:" required></p>  
  <p><button type="submit">Submit</button></p>  
</form>
```



7



# THUỘC TÍNH DISPLAY & VISIBLE

# THUỘC TÍNH DISPLAY & VISIBLE

## ● Ẩn một phần tử

### ● display: none

<p>

Đại học <span style="display: none">Khoa học</span> <span>tự nhiên</span>

</p>

Đại học tự nhiên

### ● visibility: hidden

<p>

Đại học <span style="visibility: hidden">Khoa học</span> <span>tự nhiên</span>

</p>

Đại học

tự nhiên

# THUỘC TÍNH DISPLAY & VISIBLE

## ● Phân loại phần tử:

Block: chiếm trọn chiều rộng và tự động xuống hàng trước và sau phần tử:

- **h1**
- **p**
- **div**

Inline: chỉ chiếm đúng bề ngang phần nội dung

- **a**
- **b**
- **span**

● Có thể dùng thuộc tính **display** để thay đổi loại phần tử  
li {**display:inline**;}  

---

[HTML](#) [CSS](#) [JavaScript](#) [XML](#)

```
<ul>
  <li><a href="/html/default.asp" target="_blank">HTML</a></li>
  <li><a href="/css/default.asp" target="_blank">CSS</a></li>
  <li><a href="/js/default.asp" target="_blank">JavaScript</a></li>
  <li><a href="/xml/default.asp" target="_blank">XML</a></li>
</ul>
```



# THUỘC TÍNH DISPLAY & VISIBLE

## ● Phân loại phần tử:

inline	- Phần tử sẽ hiển thị dưới dạng nội tuyến.
block	- Phần tử sẽ hiển thị dưới dạng khối.
inline-block	- Phần tử sẽ hiển thị dưới dạng khối nội tuyến.
none	- Phần tử sẽ bị ẩn đi.

# THUỘC TÍNH DISPLAY & VISIBLE

## ● Ví dụ

```
<div>Tài liệu học <span>Lập Trình Web</span> miễn phí</div>
```

```
span{  
  display:block;  
  border:1px solid black;  
}
```



Tài liệu học  
Lập Trình Web  
miễn phí

```
span{  
  display:inline-block;  
  border:1px solid black;  
  width:300px;  
  height:200px;  
}
```



Tài liệu học

Lập Trình Web
---------------

miễn phí

# THUỘC TÍNH DISPLAY & VISIBLE

## ● Sử dụng thuộc tính **position**

<b>position</b>	<b>Ý nghĩa</b>
<b>static</b>	Giá trị mặc định không ảnh hưởng bởi top, bottom, left, right
<b>fixed</b>	Cố định vị trí theo trình duyệt, không thay đổi vị trí khi kéo thanh trượt của trình duyệt
<b>relative</b>	Tọa độ của phần tử được tính theo vị trí đứng bình thường của phần tử. Giá trị bị ảnh hưởng bởi top, bottom, left, right
<b>absolute</b>	Khi không đặt vị trí của phần tử, phần tử sẽ ở vị trí đứng bình thường và cho phép phần tử khác chiếm chỗ. Tọa độ của phần tử (nếu có) được tính theo phần tử cha đầu tiên có <b>position</b> khác <b>static</b> .

# THUỘC TÍNH DISPLAY & VISIBLE

```
<h1>1) Tài liệu hướng dẫn học HTML</h1>  
<h1 id="test">2) Tài liệu hướng dẫn học CSS</h1>  
<h1>3) Tài liệu hướng dẫn học JavaScript</h1>
```

```
#test{  
  border:1px solid blue;  
  position:static;  
  top:20px;  
  right:20px;  
  bottom:20px;  
  left:20px;  
}
```

1) Tài liệu hướng dẫn học HTML

2) Tài liệu hướng dẫn học CSS

3) Tài liệu hướng dẫn học JavaScript

```
#test{  
  border:1px solid black;  
  background-color:pink;  
  position:relative;  
  top:50px;  
  left:50px;  
}
```

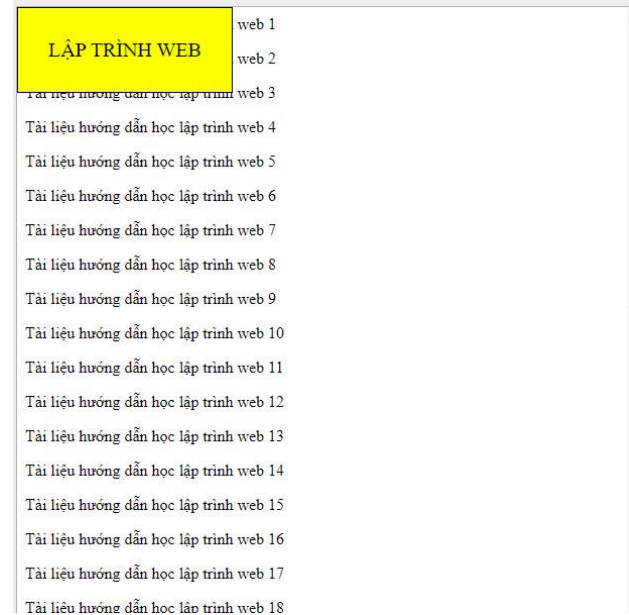
1) Tài liệu hướng dẫn học HTML

2) Tài liệu hướng dẫn học CSS

3) Tài liệu hướng dẫn học JavaScript

# THUỘC TÍNH DISPLAY & VISIBLE

```
#test{  
  border:1px solid black;  
  background-color:yellow;  
  padding:30px;  
  font-size:20px;  
  position:fixed;  
  top:0px;  
  left:0px;  
}
```



8



# THUỘC TÍNH FLOAT

# THUỘC TÍNH FLOAT

- Thuộc tính **float** cho biết phần tử sẽ trôi về trái hoặc phải.
- Những phần tử tiếp theo phần tử được **float** sẽ dồn vào chiếm chỗ trống của phần tử đó.

```
<h1>Ví dụ về float: right</h1>  
  
<p>
```

Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh. Trường đại học Khoa học Tự nhiên  
- TP. Hồ Chí Minh. Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh. Trường đại  
học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh. Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP.  
Hồ Chí Minh. Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh. Trường đại học  
Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh. </p>

## Ví dụ về float: right

Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh.  
Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh.  
Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh.  
Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh.  
Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh.  
Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh. Trường đại học  
Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh.



# THUỘC TÍNH FLOAT

- Sử dụng thuộc tính **clear** để cấm không phần tử sử dụng vùng trống còn lại của phần tử **float** trước đó

```
<h1>Ví dụ về float và clear</h1>  
  
  
<p style="clear: both">Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh.</p>
```

## Ví dụ về float và clear



Trường đại học Khoa học Tự nhiên - TP. Hồ Chí Minh.





Thank you !